

Môn thi : Tiếng Trung B1

Mã môn thi: FLF1407

Ngày thi: 2/08/2022

Phòng thi: 103 B2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI	GHI CHÚ
1	21040676	Nguyễn Đức Anh	09/01/2003	QH.2021.F.1.E17.SP			
2	21040090	Phạm Thị Thục Anh	17/03/2003	QH.2021.F.1.E15.SP			
3	21040720	Ly Thó Be	04/10/2003	QH.2021.F.1.E17.SP			
4	21040428	Trần Thảo Chi	25/03/2003	QH.2021.F.1.E15.SP			
5	21041128	Mai Ba Duy	11/07/1997	QH.2021.F.1.R3.NN			
6	21040496	Hoàng Hương Giang	20/03/2003	QH.2021.F.1.J1.SP			
7	21040685	Triệu Hương Giang	17/04/2003	QH.2021.F.1.E17.SP			
8	21040691	Nông Thị Hiền	02/09/2003	QH.2021.F.1.E17.SP			
9	18040513	Nguyễn Ngọc Huyền	21/01/2000	QH.2018.F.1.E13.QTH			
10	21040699	Hoàng Khánh Linh	18/10/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
11	21040700	Hoàng Ngọc Linh	05/09/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
12	21040755	Ma Thị Diệu Linh	01/04/2003	QH.2021.F.1.J1.SP			
13	20040054	Nguyễn Thùy Linh	04/01/2002	QH.2020.F.1.E19.SP			
14	21041139	Bùi Bá Mạnh	04/03/2003	QH.2021.F.1.R1.NN			
15	21040727	Ngô Thị Ngọc	15/08/2003	QH.2021.F.1.E17.SP			
16	21040425	Trần Hải Ngọc	07/01/2003	QH.2021.F.1.E16.SP			
17	20040909	Ngô Chí Nguyên	22/03/2002	QH.2020.F.1.E19.SP			
18	21040048	Nguyễn Hà Thảo Nguyên	15/12/2003	QH.2021.F.1.E16.SP			
19	20040092	Vũ Thị Thu Phương	26/11/2002	QH.2021.F.1.E17.SP			
20	21041105	Nguyễn Thị Thanh	04/06/2003	QH.2021.F.1.R3.NN			
21	21040708	Quách Huyền Trang	01/11/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
22	21040063	Nguyễn Thị Anh Tú	15/09/2003	QH.2021.F.1.E16.SP			
23	21041739	Nguyễn Lương Mỹ Uyên	30/06/2002	QH.2021.F.1.E17.SP			
24							
25							

Danh sách này có: sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

TRƯỞNG BỘ MÔN

Số bài thi:

Người vào điểm:

Người kiểm tra:

TRƯỞNG KHOA

HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2021 - 2022**Môn thi : Tiếng Trung B1****Mã môn thi: FLF1407****Ngày thi: 2/08/2022****Phòng thi: 201 B2**

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI	GHI CHÚ
1	21040710	Quách Thị Uyên	29/01/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
2	21040711	Lương Thảo Vy	24/06/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
3	19040311	Trần Thị Thúy Anh	30/03/2001	QH.2019.F.1.E5.SP			
4	19040451	Nguyễn Thị Linh Chi	10/10/2001	QH.2019.F.1.E27.QTEH			
5	21040594	Nguyễn Thị Thùy Dương	24/01/2003	QH.2020.F.1.E22.SP			
6	21040690	Dương Nhật Hạ	09/12/2003	QH.2020.F.1.E23.SP			
7	20040409	Hồ Thị Thu Hằng	27/10/2002	QH.2019.F.1.E6.SP			
8	16040183	Nguyễn Quang Huy	12/11/1998	QH.2018.F.1.E11.PD			
9	21040695	Trần Thu Huyền	03/02/2003	QH.2021.F.1.E17.SP			
10	19040100	Phạm Thị Lan Hương	04/09/2001	QH.2019.F.1.E4.SP			
11	21040043	Đặng Khánh Linh	18/10/2003	QH.2020.F.1.E22.SP			
12	21040274	Lưu Yến Linh	23/07/2003	QH.2020.F.1.E22.SP			
13	18040157	Lương Thảo Ly	06/10/2000	QH.2018.F.1.E3.SP			
14	21040748	Nguyễn Thị Trà My	23/11/2002	QH.2021.F.1.J1.SP			
15	19040148	Vũ Hoàng Nam	16/09/2001	QH.2018.F.1.F1.PD			
16	21040227	Chế Hạnh Ngân	24/10/2003	QH.2021.F.1.E15.SP			
17	21040497	Hoàng Kim Ngân	31/01/2003	QH.2020.F.1.E23.SP			
18	21040324	Trương Thị Ngọc	09/02/2003	QH.2020.F.1.E23.SP			
19	19041841	Đoàn Thị Hương Nhài	04/05/2000	QH.2019.F.1.E10.QTH			
20	21040410	Nguyễn Thị Thu Phương	23/08/2003	QH.2021.F.1.E16.SP			
21	21040015	Lường Thị Ngọc Thanh	24/05/2003	QH.2021.F.1.E16.SP			
22	21040181	Trần Minh Thanh	21/09/2003	QH.2020.F.1.E23.SP			
23	18040132	Vũ Thị Ngọc Thanh	14/09/2000	QH.2019.F.1.E1.SP			
24							
25							

Danh sách này có: sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

TRƯỞNG BỘ MÔN

Số bài thi:

Người vào điểm:

Người kiểm tra:

TRƯỞNG KHOA**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ****Môn thi : Tiếng Trung B1****Ngày thi: 2/08/2022****DANH SÁCH THI
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2021 - 2022****Mã môn thi: FLF1407****Phòng thi: 203 B2**

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI	GHI CHÚ
1	21040165	Lê Phan Trinh Thục	16/11/2003	QH.2020.F.1.E23.SP			
2	18040608	Nguyễn Thị Trang	03/05/2000	QH2019.F.1.E9.QTH			
3	19042060	Nông Thị Huyền Trang	18/03/2001	QH2019.F.1.E7.PD			
4	21040449	Phạm Anh Tú	02/10/2003	QH.2021.F.1.E16.SP			
5	18040486	Bùi Mỹ Uyên	01/04/2000	QH.2018.F.1.E10.PD			
6	19040230	Nguyễn Hồng Vân	29/01/2001	QH2019.F.1.E8.PD			
7	18041117	Hà Hoàng Long	01/11/2000	QH.2018.F.1.A1			
8	21040543	Nguyễn Hải Anh	05/05/2003	QH.2020.F.1.K1.SP			
9	21040715	Lê Thị Huyền Anh	24/09/2003	QH.2021.F.1.E17.SP			
10	21040680	Vì Thị Bích	15/09/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
11	21040683	Lê Mỹ Duyên	20/11/2003	QH.2021.F.1.E17.SP			
12	20040323	Nguyễn Thị Hồng Duyên	23/06/2002	QH.2020.F.1.E15.SP			
13	21041151	Phạm Thị Huyền	08/12/2003	QH.2021.F.1.R3.NN			
14	21041135	Nguyễn Thị Hường	05/10/2003	QH.2021.F.1.R1.NN			
15	21040696	Trần Thị Ngọc Lam	13/10/2003	QH.2021.F.1.E17.SP			
16	21040499	Lê Hà Linh	24/01/2003	QH.2021.F.1.E16.SP			
17	21040394	Đông Minh Nguyệt	09/07/2003	QH.2020.F.1.K1.SP			
18	21040728	Phúc Thị Nhung	10/12/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
19	21040060	Vương Tú Quyên	02/12/2003	QH.2021.F.1.E15.SP			
20	21040729	Đặng Quỳnh Thơ	04/01/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
21	21040706	Đặng Thu Trà	02/11/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
22	21040564	Lê Thị Huyền Trang	27/08/2003	QH.2021.F.1.E16.SP			
23	21040707	Lục Huyền Trang	30/12/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
24							
25							

Danh sách này có: sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

TRƯỞNG BỘ MÔN

Số bài thi:

Người vào điểm:

Người kiểm tra:

TRƯỞNG KHOA